

**VN-Index**  
1097,17 -3,43% ↑51 34 ↓413

**XU HƯỚNG DÒNG TIỀN**



Tiếp nối đà giảm ngày thứ 3, chỉ số tiếp tục có một phiên giảm điểm mạnh, giảm gần 39 điểm xuống mức 1097. Khối lượng giao dịch tương đối cao, xấp xỉ phiên liền trước với 785,7 nghìn cổ phiếu; tương đương với GTGD 16.779 tỷ đồng. Không giảm sâu ngay lập tức, VN-Index liên tục đánh võng và có những lúc thu hẹp đà giảm ngay trong phiên. Tuy nhiên lực cầu quá yếu, khiến chỉ số không thể giữ được trên mức 1.100 điểm. Dòng tiền mạnh mẽ rút khỏi nhóm ngân hàng và chứng khoán, các cổ phiếu vốn hóa lớn như VRE, VHM, VCB, HPG, CTG bị bán tháo khiến đà giảm của chỉ số ngày càng mở rộng. Một số cổ phiếu hiếm hoi có thể giữ được giá tốt có thể kể đến như VGC, SZC, MWG. Khối ngoại có động thái mua ròng nhẹ trong phiên với GTGD khoảng 15,8 tỷ đồng, tập trung vào các mã KBC, PVD, NLG ...

**Hnx-Index**  
220,79 -3,09% ↑48 36 ↓167

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**



Mở cửa tạo gap giảm và không thể lấp gap trong phiên, VN-Index tiếp tục giảm mạnh cho thấy lực cung vẫn còn lớn. Độ rộng thị trường áp đảo về phe bán với 413 mã giảm (GTGD 12.757,4 tỷ VND) và chỉ 51 mã tăng với GTGD 1650 tỷ VND. Chỉ báo RSI và Stochastic cho thấy động lượng tăng đang ngày một suy yếu, tiệm cận vùng 40 điểm. Lại một cây nến đỏ dài, chỉ số tiệm cận vùng hỗ trợ 1070 – 1080, được đánh dấu bằng đường MA 50. Nếu lực cung tiếp tục áp đảo, phiên hôm nay chỉ số có thể test lại vùng hỗ trợ này. Mức kháng cự gần nhất là 1.100 điểm. Mức kháng cự chính ở vùng 1130 điểm

**CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH**

Hai phiên giao dịch tiêu cực liên tiếp với khối lượng giao dịch lớn, xác nhận đà giảm của chỉ số. Hiện tại, chỉ số đã giảm xuống vùng 1097, phá vỡ mức hỗ trợ 1,100 điểm với áp lực cung mạnh mẽ liên tục. Sự rung lắc vẫn còn xuất hiện. Điểm sáng duy nhất là khối ngoại mua ròng nhẹ. Chúng tôi vẫn nghiêng về kịch bản chỉ số tạo mô hình 2 đáy rồi tiếp tục đi lên vùng 1200 điểm. Tuy nhiên với thị trường rủi ro và rung lắc như hiện tại, chúng tôi khuyến nghị các NĐT không nên giải ngân thêm, và lựa chọn thời điểm thị trường phục hồi để bán nếu đang kẹp hàng T+3. Chúc quý nhà đầu tư một ngày giao dịch tốt lành!

**Analyst: Lê Nguyễn Đình Huỳnh. Email: Huynh.le@vfs.com.vn**

### DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|---------|----------|--------------|------------|---------|----------|---------|---------|
| 1   | HPG         | 42.3         | 22.9    | 5/8/2020 | 30.5         | 20         |         |          | 84.7%   |         |

### DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú                           |
|-----|-------------|--------------|---------|----------|--------------|------------|---------|----------|---------|-----------------------------------|
| 1   | REE         | 36.9         | 33.8    | 05-08-20 | 38           | 32.7       | 37.2    | 31-08-20 | 10.1%   | Gần giá mục tiêu, KC mạnh         |
| 2   | FPT         | 49.5         | 46.3    | 05-08-20 | 53           | 43.5       | 50.3    | 31-08-20 | 8.6%    | Cổ tức 10% TM 17/08/20            |
| 3   | VHC         | 38.1         | 36.6    | 13-08-20 | 34.3         | 23.5       | 38.8    | 31-08-20 | 6.0%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 4   | CMX         | 14.9         | 13.64   | 13-08-20 | 19           | 14         | 15.2    | 31-08-20 | 11.4%   | CP thưởng 10:1 ngày 26/08/2020    |
| 5   | VCB         | 83.6         | 82      | 13-08-20 | 63           | 41.2       | 84.5    | 07-09-20 | 3.0%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 6   | PHR         | 56.5         | 53.2    | 13-08-20 | 42           | 35         | 58      | 31-08-20 | 9.0%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 7   | SJS         | 22.9         | 22.2    | 24-08-20 | 28           | 21         | 23      | 04-09-20 | 3.6%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 8   | PLX         | 52.5         | 46.9    | 24-08-20 | 65           | 45         | 53.1    | 31-08-20 | 13.2%   | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 9   | PVB         | 17.9         | 16.3    | 24-08-20 | 24           | 15         | 18.1    | 31-08-20 | 11.0%   | Cổ tức 10% tiền mặt 24/09/2020    |
| 10  | MBB         | 17.7         | 17.4    | 24-08-20 | 24           | 17         | 18.05   | 07-09-20 | 1.7%    | CP có dấu hiệu suy yếu            |
| 11  | PVD         | 11.3         | 10.55   | 24-08-20 | 19           | 10         | 11.55   | 04-09-20 | 9.5%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 12  | PVS         | 12.7         | 12.2    | 24-08-20 | 24           | 11.5       | 12.9    | 04-09-20 | 5.7%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt            |
| 13  | CTD         | 76.2         | 78.2    | 24-08-20 | 111          | 75         | 76      | 01-09-20 | -2.6%   | Cổ tức 30% 28/08/2020, CP suy yếu |
| 14  | MSN         | 54.6         | 52.8    | 24-08-20 | 65           | 48.5       | 56.6    | 07-09-20 | 7.2%    | CP có dấu hiệu suy yếu            |
| 15  | GEX         | 25.95        | 21.3    | 25-08-20 | 28           | 20         | 25.95   | 07-09-20 | 21.8%   | Đã tăng hơn 20% kể từ điểm mua    |

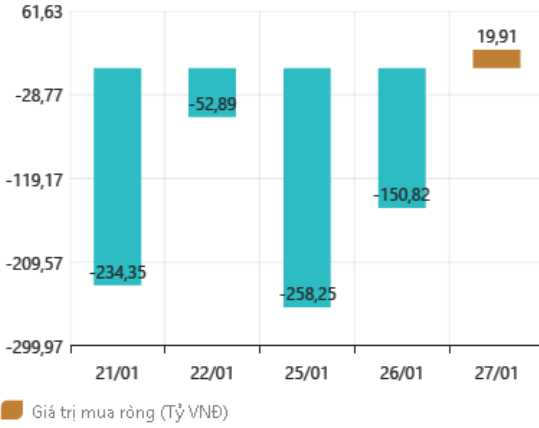
**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT**

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua   | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán   | Tỷ lệ % | Ghi chú  |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|------------|---------|------------|---------|--|
| 16  | VEA         | 44.3         | 43.5    | 25-08-20   | 60           | 40         | 45      | 04-09-20   | 3.4%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt                         |
| 17  | DHC         | 45           | 44.4    | 09-09-2020 | 50           | 43.5       | 45.7    | 23-09-20   | 2.9%    | CP có dấu hiệu suy yếu, tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 18  | VIC         | 93           | 91.2    | 14/09/2020 | 110          | 90         | 94      | 25/09/2020 | 3.1%    | Tăng tỷ trọng tiền mặt                         |
| 19  | KDH         | 24.2         | 24.4    | 22/09/2020 | 28           | 23.8       | 24.35   | 25/09/2020 | -0.2%   | Cổ phiếu suy yếu & TT rủi ro                   |
| 20  | VNM         | 127.7        | 110     | 5/8/2020   | 132          | 103.5      | 127.7   | 25/09/2020 | 16.1%   | Tăng tỷ trọng tiền mặt                         |
| 21  | MPC         | 31.2         | 26.7    | 25/8/2020  | 34           | 25.5       | 31.8    | 25/09/2020 | 19.1%   | Tăng tỷ trọng tiền mặt                         |
| 22  | KDC         | 36.5         | 34.9    | 9/9/2020   | 39           | 32.5       | 37      | 29/09/2020 | 6.0%    | Thị trường chung xấu                           |
| 23  | VRE         | 27.8         | 28.75   | 23/09/2020 | 35           | 27.3       | 28      | 29/09/2020 | -3.3%   | Thị trường chung xấu                           |
| 24  | MWG         | 104.3        | 76.5    | 5/8/2020   | 112          | 71.44      | 104.3   | 30/09/2020 | 36.3%   | Chốt lời bảo toàn lợi nhuận                    |
| 25  | PNJ         | 61.2         | 59.6    | 14/09/2020 | 78           | 58         | 61.2    | 05/10/2020 | 2.7%    | Thị trường rủi ro                              |
| 26  | CTR         | 45.6         | 41.4    | 14/09/2020 | 48           | 40.5       | 45.90   | 08/10/2020 | 10.9%   | Thị trường rủi ro                              |
| 27  | DCM         | 12.4         | 12.5    | 4/11/2020  | 15           | 11.3       | 12.50   | 18/11/2020 | 0%      | Cổ phiếu không hiệu quả                        |
| 28  | DPM         | 17.2         | 17      | 4/11/2020  | 21           | 16.3       | 17.2    | 20/11/2020 | 1.2%    | Cổ phiếu không hiệu quả                        |
| 29  | CTR         | 62.9         | 47.5    | 4/11/2020  | 70           | 46         | 62.9    | 25/11/2020 | 32.4%   | Đạt mục tiêu lợi nhuận 30%                     |
| 30  | DGC         | 47.9         | 45.4    | 11/11/2020 | 56           | 43.5       | 47.9    | 25/11/2020 | 5.5%    | Hạ tỷ trọng cổ phiếu                           |
| 31  | CTG         | 34           | 30.3    | 4/11/2020  | 38           | 28         | 34      | 10/12/2020 | 12.2%   | Chốt do đạt giá mục tiêu                       |
| 32  | PHR         | 62.5         | 57.1    | 4/11/2020  | 70           | 54         | 62.5    | 10/12/2020 | 9.5%    | Cổ tức tiền mặt 2.500 đồng                     |
| 33  | DXG         | 14.7         | 11.9    | 4/11/2020  | 15           | 11         | 14.85   | 17/12/2020 | 23.5%   | Chốt do đạt giá mục tiêu                       |
| 34  | MWG         | 115.2        | 106.1   | 11/11/2020 | 120          | 102        | 115.2   | 17/12/2020 | 8.6%    | Chốt do đạt giá mục tiêu                       |
| 35  | BCM         | 41.5         | 40.2    | 10/12/2020 | 64           | 39         | 41.5    | 17/12/2020 | 1.7%    | Thị trường rủi ro                              |
| 36  | TLG         | 39.2         | 38.3    | 10/12/2020 | 47           | 38         | 39.2    | 17/12/2020 | 2.3%    | Thị trường rủi ro                              |
| 37  | MWG         | 121          | 119.3   | 01/05/2020 | 160          | 118        | 121     | 19-01-21   | 1.4%    | Thị trường tạo đỉnh                            |
| 38  | TV2         | 54.1         | 53.4    | 06/01/2020 | 64           | 51         | 56.80   | 19-01-21   | 1.3%    | Thị trường tạo đỉnh                            |
| 39  | TCB         | 33.9         | 23      | 20/10/2020 | 26           | 20.9       | 35.9    | 19-01-21   | 47.4%   | Thị trường tạo đỉnh                            |
| 40  | VSC         | 57.8         | 42.1    | 4/11/2020  | 48           | 38         | 60      | 19-01-21   | 37.3%   | Thị trường tạo đỉnh                            |
| 41  | CTR         | 88           | 55      | 2/12/2020  | 80           | 54         | 90      | 19-01-21   | 60.0%   | Cổ phiếu overvalue, thị trường tạo đỉnh        |
| 42  | GTN         | 27.85        | 28.15   | 11/01/2020 | 34           | 26         | 27.85   | 19-01-21   | -1.1%   | Thị trường tạo đỉnh, rủi ro                    |
| 43  | VCS         | 86           | 87      | 11/01/2020 | 100          | 84.8       | 86      | 19-01-21   | -1.1%   | Thị trường tạo đỉnh, rủi ro                    |

## TIN TỨC NỔI BẬT

### GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI TRÊN HSX

Giao dịch NĐTNN 7 ngày gần nhất



### Intel đầu tư thêm 475 triệu USD vào Việt Nam

Báo đầu tư | 2021-01-27T00:00:00

Intel đã đầu tư thêm 475 triệu USD vào Intel Products Việt Nam thuộc giai đoạn 1 của nhà máy lắp ráp và kiểm định (ATM) có quy mô phòng sạch lớn nhất trong hệ thống Intel toàn cầu.

Đây là khoản đầu tư mới bên cạnh khoản đầu tư 1 tỷ USD trước đó của Intel để xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm và lắp ráp chip hiện đại nhất tại Khu Công nghệ cao Sài Gòn (SHTP) – dự án đã được công bố lần đầu vào năm 2006. Như vậy, tổng vốn đầu tư của Intel tại Việt Nam hiện tại đã lên tới 1,5 tỷ USD.

Khoản đầu tư bổ sung 475 triệu USD này được tiến hành từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2020, giúp tăng cường sản xuất các sản phẩm 5G của Intel, bộ xử lý Intel Core với Công nghệ Intel Hybrid và bộ xử lý Intel Core thế hệ thứ 10 tại Intel Products Việt Nam (IPV).

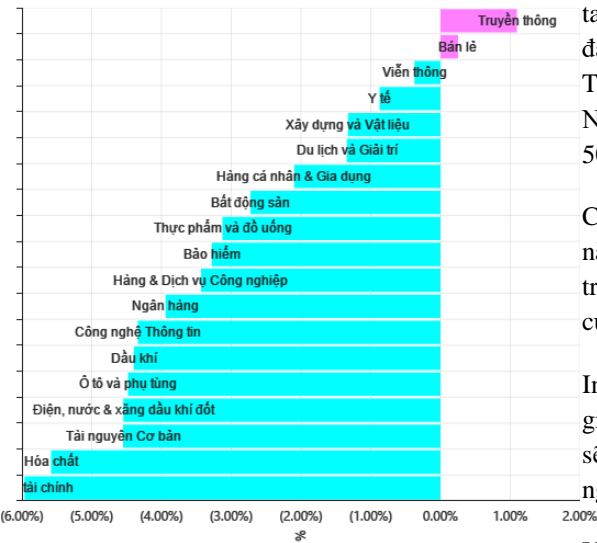
Theo ông Kim Huat Ooi, Phó chủ tịch Sản xuất và Vận hành kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Intel Products Việt Nam, tính đến cuối năm 2020, IPV đã mang hơn 2 tỷ sản phẩm đến tay khách hàng trên toàn thế giới. Đặc biệt, riêng trong năm 2020, giá trị xuất khẩu của IPV đạt kỷ lục lên tới 13,1 tỷ USD, chiếm khoảng 68% tổng giá trị xuất khẩu của Khu CNC TP.HCM và khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm máy tính, linh kiện điện tử của Việt Nam. Đến thời điểm này, tổng giá trị xuất khẩu lũy kế của nhà máy Intel tại Việt Nam đạt trên 50 tỷ USD.

Cùng với việc tăng vốn là kỳ vọng của IPV mỗi năm sẽ tăng giá trị xuất khẩu từ 30-40%. Điều này cho thấy tầm quan trọng của IPV trong việc cùng Intel đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên toàn thế giới. Đây cũng là lý do vì sao IPV tiếp tục đầu tư vào cơ sở vật chất và đội ngũ của mình tại Việt Nam.

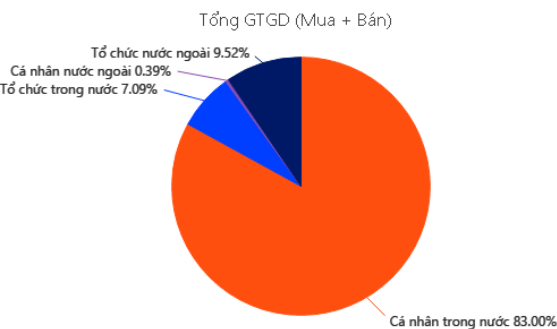
Intel Products Việt Nam là một phần quan trọng trong chuỗi sản xuất của Intel trên toàn thế giới. Cùng với việc Intel chuyển hướng từ công ty CPU sang công ty XPU đa kiến trúc, IPV sẽ tiếp tục đa dạng hóa và cải thiện các hoạt động tại nước sở tại để có thể tiếp nhận các công nghệ phức tạp hơn và các sản phẩm mới, cho phép Intel tận dụng những cơ hội thị trường mới.

Việc tăng vốn của Intel có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam. Điều này cũng nói lên sự tin tưởng của Intel vào đội ngũ nhân lực trong nước cũng như môi trường đầu tư ổn định của Việt Nam. Bằng chứng thành công cụ thể từ Intel khiến nhiều nhà đầu tư Mỹ đang có ý định đầu tư mở rộng và đầu tư mới vào Việt Nam, đặc biệt vào Khu CNC có tinh thần lạc quan hơn.

### TĂNG, GIẢM NGÀNH TRONG NGÀY



### GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ



**THỐNG KÊ TRONG NGÀY**

| Ngày       | Mã phái sinh | +/-             | Mở cửa | Đóng cửa | Thấp nhất | Cao nhất | Khớp lệnh             |                  |
|------------|--------------|-----------------|--------|----------|-----------|----------|-----------------------|------------------|
|            |              |                 |        |          |           |          | Khối lượng (Hợp đồng) | Giá trị (tỷ VNĐ) |
| 27/01/2021 | VN30F2102    | -50.80 (-4.48%) | 1127.4 | 1082.2   | 1134.8    | 1078     | 285,857               |                  |
| 27/01/2021 | VN30F2103    | -46.90 (-4.12%) | 710    | 723      | 732       | 1090     | 979                   |                  |
| 27/01/2021 | VN30F2106    | -58.50 (-5.12%) | 709.9  | 720      | 725.9     | 1085     | 360                   |                  |
| 27/01/2021 | VN30F2109    | -54.80 (-4.79%) | 710    | 716      | 724.8     | 1089.9   | 127                   |                  |

| TOP 5 TĂNG GIÁ HSX |        |              |           |               | TOP 5 GIẢM GIÁ HSX |        |              |           |               |
|--------------------|--------|--------------|-----------|---------------|--------------------|--------|--------------|-----------|---------------|
| Mã                 | Giá ĐC | +/-          | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) | Mã                 | Giá ĐC | +/-          | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) |
| SZC                | 42,25  | +2,75/+6,96% | 4.175.400 |               | MCG                | 2,66   | -0,20/-6,99% | 99        |               |
| DPR                | 49,95  | +3,25/+6,96% | 181.000   |               | TTF                | 5,19   | -0,39/-6,99% | 6.771.400 |               |
| VGC                | 33,15  | +2,15/+6,94% | 1.883.800 |               | CIG                | 3,86   | -0,29/-6,99% | 87        |               |
| SJS                | 32,40  | +2,10/+6,93% | 758.400   |               | MSH                | 44,60  | -3,35/-6,99% | 159       |               |
| SGT                | 17,15  | +1,10/+6,85% | 289.400   |               | LDG                | 7,99   | -0,60/-6,98% | 9.174.100 |               |

| TOP 5 TĂNG GIÁ HNX |        |               |           |               | TOP 5 GIẢM GIÁ HNX |        |                |           |               |
|--------------------|--------|---------------|-----------|---------------|--------------------|--------|----------------|-----------|---------------|
| Mã                 | Giá ĐC | +/-           | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) | Mã                 | Giá ĐC | +/-            | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) |
| L40                | 18,20  | +4,20/+30,00% | 100       |               | BCC                | 8,10   | -0,90/-10,00%  | 1.261.400 |               |
| VGP                | 23,10  | +2,10/+10,00% | 100       |               | BPC                | 10,80  | -1,20/-10,00%  | 200       |               |
| VNT                | 76,40  | +6,90/+9,93%  | 100       |               | LHC                | 90,90  | -10,10/-10,00% | 26        |               |
| HTP                | 18,90  | +1,70/+9,88%  | 92        |               | MBG                | 6,30   | -0,70/-10,00%  | 3.176.900 |               |
| BCF                | 42,80  | +3,80/+9,74%  | 5         |               | CAG                | 19,90  | -2,20/-9,95%   | 1         |               |

| TOP MUA RÒNG HSX |        |              |           |               | TOP BÁN RÒNG HSX |        |              |            |               |
|------------------|--------|--------------|-----------|---------------|------------------|--------|--------------|------------|---------------|
| Mã               | Giá ĐC | +/-          | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) | Mã               | Giá ĐC | +/-          | KLGD (CP)  | GTGD (Tr VNĐ) |
| NVL              | 81,20  | +0,20/+0,25% | 1.052.600 | 85.833.213    | VNM              | 103,3  | -3,40/-3,19% | -949       | -99.373.031   |
| KBC              | 39,60  | -2,95/-6,93% | 1.582.800 | 63.682.818    | VGC              | 33,15  | +2,15/+6,94% | -1.982.500 | -64.446.468   |
| LPB              | 13,50  | -0,35/-2,53% | 2.714.400 | 37.223.644    | HPG              | 40,30  | -2,00/-4,73% | -1.113.500 | -45.604.464   |
| VHM              | 93,90  | -4,10/-4,18% | 298       | 28.242.134    | VND              | 24,30  | -1,80/-6,90% | -1.650.400 | -40.849.160   |
| NLG              | 34,00  | +0,10/+0,29% | 687       | 23.719.593    | FCN              | 12,10  | -0,90/-6,92% | -3.088.700 | -39.103.286   |

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải  |
|----------------------|--|
| MUA                  | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI             | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%     |
| NẮM GIỮ              | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%   |
| BÁN                  | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%  |

## © CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

### Hội sở Hồ Chí Minh

Tòa nhà Central Park, lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: [www.vfs.com.vn](http://www.vfs.com.vn)

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisor place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39288222 – Ext: 117 Fax: (84-4) 39338222

-----  
----  
**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.